**Bàn về tự do kinh tế**

Nguyễn Phước Lộc

Loc Nguyen’s Academic Network, Việt Nam

Email: ng\_phloc@yahoo.com

Homepage: www.locnguyen.net

**Tóm tắt**

**Mở đầu bởi phân công lao động**

Adam Smith (1723 – 1790) mở đầu tự do kinh tế bằng kiệt tác “Một Công Trình Nghiên Cứu Bản Chất Và Nguyên Nhân Phát Sinh Của Cải Của Các Quốc Gia (An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations)” với tên viết tắt “Của Cải Của Các Quốc Gia (The Wealth of Nations)” và tác phẩm này khởi đầu bằng khái niệm *phân công lao động* mà Adam Smith đã nhận ra rằng phân công lao động là nguyên nhân của tăng năng suất tạo ra nhiều của cải hơn. Điều này hẳn nhiên khẳng định tư tưởng kinh tế của Adam Smith tập trung sự giàu có của một quốc gia vào *năng lực sản xuất* chứ không phải sự tích lũy kim loại quý (tích lũy tài chính). Ta sẽ bàn lại quan điểm này sau nhưng về cơ bản năng lực sản xuất cần phải hiểu rộng hơn là trình độ sản xuất mà sau này là trình độ công nghệ, hơn nữa ngay chính phân công lao động cũng dẫn đến việc một số quốc gia tập trung vào hoạt động tài chính như là một lợi thế trong chuỗi cung ứng nếu như ta hiểu rằng hệ thống tài chính mà cụ thể là hệ thống tiền tệ trở nên không thể thiếu trong nền kinh tế và sự thiết yếu của nó tự biến nó thành một loại hàng hóa như dầu nhớt bôi trơn cỗ máy kinh tế mà Adam Smith vừa chớm phát hiện sự thiết yếu khác của xăng dầu như năng lượng sản xuất vì tất nhiên ông hiểu sâu sắc giá trị quy ước và trao đổi ban đầu của tiền tệ. Có lẽ nên nhắc lướt qua giải thích của Adam Smith về nguyên nhân mà phân công lao động giúp tăng năng suất (Gemini 2025): 1) tăng kỹ năng công nhân do công nhân chỉ cần tập trung vào thao tác đơn giản lặp đi lặp lại, 2) tiết kiệm thời gian do không cần di chuyển từ công việc này sang công việc khác trong một dây chuyền sản xuất, và 3) cải tiến máy móc do sự đơn giản hóa công việc giúp công nhân dễ dàng phát minh những cải tiến kỹ thuật. Ngoài ra, phân công *lao động* rõ ràng trong công nghiệp hơn trong nông nghiệp (Smith, 1776, p. 30), không hẳn vì lao động nông nghiệp giản đơn hơn lao động công nghiệp mà có thể hiểu rằng tính chất phức tạp của sản xuất công nghiệp đáp ứng nhu cầu tinh vi khiến cho phân công lao động trong công nghiệp trở nên có ý nghĩa để phân giải sự phức tạp thành chuỗi giản đơn, điều sẽ trở thành thừa đối với lao động nông nghiệp và tất nhiên sự thừa thải quay trở lại kém hiệu quả đối nghịch và làm tiêu tan mục tiêu của phân công lao động. Từ đó có thể suy thêm rằng xã hội càng phát triển, phân công lao động càng chi tiết (Smith, 1776, p. 33). Ghi chú: của cải là sản phẩm – hàng hóa vật chất và tinh thần, hữu hình và vô hình với lưu ý rằng kết quả của hoạt động tài chính / thương mại thuần túy có lợi nhuận “bôi trơn” như dầu nhớt mường tượng như một loại hàng hóa nhưng hàng hóa sản phẩm đặt trong hoạt động sản xuất có ngữ nghĩa “sản xuất” đậm nét, có tính chất cụ thể nên lợi nhuận từ hoạt động tài chính / thương mại thuần túy được phân biệt với lợi nhuận của hoạt động sản xuất mặc dù tất cả đều liên quan đến thế năng của trình độ sản xuất sẽ được đề cập sau. Lưu ý, hoạt động cung ứng dịch vụ ngay cả trong tài chính & thương mại là hoạt động sản xuất và sản phẩm từ hoạt động dịch vụ là hàng hóa thực thụ như bất kỳ loại hình sản xuất nào khác.

Phân công lao động không hẳn do mưu cầu lợi ích hay sự tinh khôn, mà là thiên hướng tất yếu của sự *trao đổi* mà chính con người cũng chưa thấy hết lợi ích của nó (Smith, 1776, p. 35) nhưng con người có được sự cảm nhận hay ý thức về lợi ích của sự trao đổi mà không xảy ra ở động vật. Hệ thống tiền tệ là phương tiện trao đổi nên thực chất phân công lao động có liên quan mật thiết đến hệ thống tài chính mà một sản phẩm cụ thể đáp ứng nhu cầu cụ thể làm tối tăm hoạt động bôi trơn, ngược lại, sự tác động tức thì trong ngay đợt chấn động đầu tiên của hệ thống tài chính khiến hoạt động sản xuất bị nhìn chậm trễ. Trong xã hội văn minh con người luôn cần sự giúp đỡ của người khác, sự giúp đỡ này gần như vô hình vì phân công lao động trong vô số liên kết nhưng mặt khác, thực chất một đời người chưa đủ tương tác mật thiết một vài người (Smith, 1776, p. 35). Như vậy phân công lao động của Adam Smith là một cách nhìn khác nhưng tương hợp luận điểm hi sinh một phần tự do để thiết lập nhà nước bảo vệ công dân của Montesquieu khi mà lợi ích và an toàn đều là nhu cầu. Điều này phản ánh một nghịch lý rằng phân công lao động là khởi điểm của tự do kinh tế lại liên quan đến tiêu hao tự do vì một công nhân chuyên môn sâu không thể hoạt động độc lập để tạo ra một sản phẩm cần đến dây chuyền sản xuất phức hợp. Tuy nhiên một công nhân bị ràng buộc chằng chịt trong một xã hội phân công lao động cao, rõ ràng họ không thể cựa quậy trong mạng nhện này nhưng ngay trong tâm thức và đời sống cá nhân họ lại có sự tự do vì được giải phóng khỏi những mối quan tâm của các chuyên môn khác (điều này cần được phân tích kỹ hơn), tất nhiên ta đang lập luận về năng lực tự do và chưa đề cập đến sự phú cường với nhiều của cải được sản xuất. Rốt cuộc phân công lao động là khởi đầu của tự do, đặc biệt tự do kinh tế trong góc nhìn kinh tế học. Như vậy ngay khi Montesquieu làm tiêu hao tự do cá nhân thì Adam Smith bù đắp sự tiêu hao này bằng cách rút dây trói dệt thành mạng nhện của chuyên môn hóa trong tổng thể, hay nói cách khác xã hội hay nhà nước lại bị tiêu hao tự do, và tiến trình đắp đổi này diễn ra vô tận ngày càng đẩy vào cấp độ văn minh.

Nguồn gốc của phú cường là tăng năng suất tức tăng năng lực sản xuất, nguồn gốc của tăng năng lực sản suất là phân công lao động và cuối cùng, trao đổi là nguồn gốc của phân công lao động và theo Adam Smith, trao đổi (hàng hóa) là nguyên tắc của phân công lao động (Smith, 1776, p. 36), khi một người tạo ra sản phẩm thừa sẽ nảy sinh ý tưởng trao đổi với người khác để có được sản phẩm khác thỏa mãn nhiều nhu cầu hơn, sự việc bắt đầu từ vị kỷ tư lợi nhưng ẩn sẵn lòng tốt, mà điều tử tế trong quan hệ lấy lòng nhau được đáp ứng qua lại tiếp theo thúc đẩy liên tiếp như những đợt sóng khiến thị trường hoạt tác vận động không ngừng nghỉ, đồng thời cùng lúc tác động trở lại nhu cầu cá nhân theo hai chiều, như có một *bàn tay vô hình* điều khiển. Tóm lại trong một nguyên lý của bàn tay vô hình “mưu cầu lợi ích cá nhân dẫn đến trọng điểm trao đổi hàng hóa, thúc đẩy thị trường hoạt tác, lại thúc đẩy tăng năng suất tạo ra nhiều của cải, sau đó quay trở lại thỏa mãn nhiều nhu cầu cá nhân hơn”, điều này cũng liên quan đến hai vấn đề là sự thỏa mãn và phát triển nền kinh tế, sẽ được phân tích kỹ hơn, tuy rằng ta tạm như hiểu rằng thị trường phát triển thì nền kinh tế phát triển. Ta có ba nhận xét sau. Thứ nhất, *nguyên lý bàn tay vô hình* phân công lao động toàn thị trường, biến toàn thị trường thành một chuỗi, đúng hơn là một *mạng lưới dây chuyền sản xuất phi tuyến*, nơi mà nhu cầu mọi cá nhân được phân giải rồi tổng hợp, được tổng hợp rồi phân giải như tiến trình *trao đổi chất* (metabolism) của cơ thể sinh vật gồm hai tiến trình con: 1) tiến trình dị hóa (catabolism) phân hủy chất dinh dưỡng thành những phân tử đơn giản đồng thời giải phóng năng lượng, và 2) tiến trình đồng hóa (anabolism) thực hiện tổng hợp các phân tử phức tạp trong cơ thể từ những phân tử đơn giản từ tiến trình dị hóa. Thứ hai, phân công lao động toàn thị trường – xã hội tương tự sự chuyên biệt hóa các cơ quan chức năng trong cơ thể sinh vật, sinh vật có mức tiến hóa càng cao thì chuyên biệt hóa càng rõ rệt đồng thời các cơ quan chức năng cũng tương tác tinh vi hơn. Thứ ba, nguyên lý bàn tay vô hình là một biểu hiện của trí tuệ đám đông trong kinh tế học, trong đó, *trí tuệ đám đông* (swarm intelligence) là một quần thể gồm nhiều cá thể khi tương tác với nhau sẽ phát sinh trí tuệ, và như vậy, lợi ích là trí tuệ nếu đặt ánh xạ giữa nguyên lý bàn tay vô hình và trí tuệ đám đông. Hợp ba nhận xét này với nhau, ta có thể suy luận rằng phân công lao động cũng như nguyên lý bàn tay vô hình nhìn và biến toàn thị trường – xã hội như một sinh thể hữu cơ có trí tuệ và quan năng hoạt động, vượt qua định nghĩa, định kiến và cảm nhận về tính sinh học của sinh vật, hoặc phát biểu một cách chiết trung rằng, thị trường hay nền kinh tế rộng hơn có một *bản chất tự nhiên*. Ngoài ra, Adam Smith đề cập hai vấn đề rất đáng lưu ý: 1) sự khác biệt tài năng bẩm sinh giữa từng người không nhiều như ta nghĩ vì kỹ năng cần rèn luyện để đạt hiệu quả, 2) sản phẩm được sản xuất riêng tư từ mỗi cá nhân sẽ trở thành sản phẩm chung của toàn xã hội thông qua quá trình trao đổi. Hai vấn đề này cùng dẫn đến một hệ quả rằng thị trường – xã hội có tính thống nhất trong hoạt động hữu cơ như tính thống nhất của sinh thể. Riêng vấn đề thứ nhất dẫn xuất tính đa dạng trong thống nhất, một vấn đề triết học hóc búa được Hegel phát biểu trong luận điểm nổi tiếng “hợp lý tính là sự đồng nhất của cái đồng nhất và cái không đồng nhất”. Đa dạng trong thống nhất và thống nhất trong đa dạng khiến tư tưởng tự do dẻo dai, một biểu hiện của sức sống trong sinh thể hữu cơ. Riêng vấn đề thứ nhất còn dẫn xuất một nền giáo dục theo hướng chuyên môn hóa khi mà việc đào tạo nghề ngắn hạn phục vụ có chất lượng thị trường lao động song song với đào tạo học thuật khi mà kinh nghiệm và kỹ năng tay nghề sau khi tốt nghiệp trường nghề được chứng nhận tương đương học thuật để song hành vừa cung cấp nhân lực thị trường lao động vừa thỏa mãn nhu cầu học thuật cá nhân, đó là sự lựa chọn thay vì sự phân biệt. Riêng vấn đề thứ hai hạn chế sự phân tách giữa Adam Smith và những nhà xã hội học trong kinh tế lẫn triết học. Tóm lại, đặc điểm trao đổi cũng như phân công lao động là hòn đá tảng của nguyên lý bàn tay vô hình và nguyên lý bàn tay vô hình là viên ngọc của tư tưởng tự do kinh tế của Adam Smith.

Phân công lao động bị hạn chế bởi quy mô thị trường (Smith, 1776, p. 38), mặt khác, phân công lao động tương tác qua lại với tự do – tự do trao đổi hàng hóa, như vậy suy ra thị trường nhỏ hạn chế tự do nhưng trên thực tế lượng dân số của một quốc gia càng ít càng dễ đạt dân chủ và dân chủ luôn gắn với tự do. Giải thích nghịch lý này như thế nào? Lời giải đáp hết sức đơn giản, khẳng định thị trường nhỏ hạn chế tự do là một sai lầm vì bị khuếch tán bởi độ lệch rất nhỏ của khẳng định phân công lao động bị hạn chế bởi quy mô thị trường. Một cách chính xác, mức độ phân công lao động tương ứng độ lớn thị trường, và tự do là trạng thái thỏa mãn (nếu) có được từ phân công lao động. Như vậy phân công lao động thấp vẫn có tự do cao nếu nó thỏa mãn nhu cầu trao đổi của thị trường. Nếu thị trường nhỏ là một khách quan không thay đổi đối với tự do thì tự do với khía cạnh thỏa mãn khó mà bị chi phối bởi khách quan mặc định. Ngoài ra, lượng dân số không đồng nhất quy mô thị trường, cho nên bất luận thế nào, thị trường càng lớn càng có khả năng mở rộng tự do, đối nghịch một cách phát biểu chính xác, lượng dân số ít không hẳn làm tăng tự do mà là giảm rủi ro từ tự do khi mà quản trị rủi ro được dễ dàng. Duy lưu ý một điều khác, lượng dân số ít dễ dàng đáp ứng nhu cầu bầu cử và yêu cầu đại biểu nghị viện – nhánh lập pháp của nhà nước. Tóm lại, *quy mô thị trường tỉ lệ thuận với mức độ chi tiết / tinh vi của phân công lao động và cũng tỉ lệ thuận với lượng doanh nghiệp (cá thể) tham gia*, *lượng hàng hóa & tiền tệ trao đổi, lượng người tiêu dùng*. Do đó ta cần phân biệt thị trường và xã hội, xã hội có dân số đông chưa hẳn có thị trường quy mô lớn, trong khi đó xã hội dân sự là lực lượng đạo đức nền tảng của nhà nước.

Adam Smith đề cập tầm quan trọng của vận tải đặc biệt vận tải hàng hải (Smith, 1776, pp. 39-40), đây là ẩn ngữ luân chuyển & trao đổi, hoạt động bôi trơn mà chức năng của hệ thống tài chính là một loại vận tải trong chu lưu hàng hóa, theo đó hệ thống tài chính không những bôi trơn cỗ máy kinh tế mà còn “chuyên chở” hàng hóa trong vòng đời của hàng hóa được quan sát và điều hành bởi cả nhà nước và thị trường mà ta có thể mở rộng bàn luận về sự cần thiết của sự can thiệp của nhà nước vào thị trường. Như vậy hàng hóa – sản phẩm không những được chuyên chở vật lý từ vị trí địa lý này đến vị trí địa lý khác mà còn chu lưu trong vòng đời trừu tượng, với một ví dụ khác được phát họa bởi sổ kế toán. Hơn nữa, nếu bản thân hoạt động sản xuất là một loại sản phẩm thì hoạt động tài chính là phương tiện vận tải sản phẩm đó. Nguồn gốc của phân công lao động là sự trao đổi và hoạt động thương mại là một thể hiện của sự trao đổi, thế nên bức tranh thị trường nghĩa hẹp và bức tranh kinh tế nghĩa rộng dần hiện lên với hai mảng màu “năng lực sản xuất” và “quan năng tài chính”, đồng thời một vệt thứ ba xuất hiện nhập nhòe, đó là “hoạt động thương mại”, nhưng ý nghĩa của bức tranh này chưa bao giờ rời xa sự phân công lao động cũng như trao đổi chất, tuy sẽ ngày càng phức tạp hơn, tinh vi hơn. Nhắc lại, nguồn gốc của phân công lao động là trao đổi (hàng hóa) và mục đích của sự trao đổi là đạt thỏa mãn, khoan nói đến vấn đề thỏa mãn, thoạt bên ngoài sự phú cường thể hiện qua của cải nhưng trao đổi là động lực của tăng năng suất, động lực của sản xuất nhiều của cải mà phân công lao động là hệ quả trực tiếp và tất yếu của trao đổi nhằm tăng năng lực sản xuất. Tiền tệ với mục tiêu bôi trơn ban đầu là phương tiện của sự trao đổi và ngữ nghĩa của phân công lao động một lần nữa đệ quy “phân công” thành hoạt động sản xuất và hoạt động trao đổi (tiền tệ, tài chính, thương mại) khi nhu cầu trao đổi lại là diễn trình trước của phân công lao động. Trong khi tiền tệ là phương tiện trao đổi thì hoạt động thương mại là quy trình hóa của sự trao đổi sau lần đệ quy của phân công lao động. Ta hãy tìm hiểu tiền tệ theo quan điểm của Adam Smith như một sơ khởi của hoạt động tài chính.

Tất nhiên Adam Smith khẳng định tiền tệ là phương tiện trao đổi từ hình thức thô sơ như vỏ sò, ngũ cốc, tấm da đến kim loại, kim loại quý có chứng nhận nhà nước (Smith, 1776, pp. 41-42) và ngày nay là tiền giấy, cheque, tiền điện tử. Thực chất, giá trị của một đồng tiền quốc gia là *giá trị quy ước*, không đồng nhất *giá trị sử dụng* (use value) cũng không đồng nhất *giá trị trao đổi* (exchange value) của hàng hóa, do đó giá trị quy ước do quốc gia quy định / chứng nhận nên cần có một đối trọng trên bàn cân để bảo đảm giá trị quy ước, nên hệ thống tài chính cần có một *bản vị* cố định cho sự bảo đảm này, thông thường sẽ tích trữ vàng nhất là đối với kim bản vị và/hoặc tích trữ một loại ngoại tệ ổn định như đồng USD. Tuy nhiên, chính vì giá trị quy ước này mà quan điểm sự giàu có quốc gia do tích lũy kim loại quý dần trở nên lỗi thời tuy vẫn còn giá trị tham chiếu, nên bất luận hệ quy chiếu đa chiều có hoạt tác tài chính & thương mại thì cốt lõi sức mạnh kinh tế vẫn là trình độ sản xuất bao gồm cả hàng hóa trong tài chính & dịch vụ với mở rộng rằng hàng hóa – sản phẩm là bất cứ thứ gì hữu dụng và rộng hơn là bất cứ thứ gì mang lại sự thỏa mãn, ngoài ra, lượng tiền tệ tung ra thị trường phải tương ứng với tổng giá trị trao đổi của mọi hàng hóa trên thị trường thì giá trị quy ước của tiền tệ mới có giá trị. Bất luận thế nào, giá trị quy ước của tiền tệ phải tương ứng với giá trị sử dụng và giá trị trao đổi của hàng hóa. Tương ứng giữa giá trị quy ước và giá trị trao đổi cần được quan tâm hơn tương ứng giữa giá trị quy ước và giá trị sử dụng? Vậy giá trị thực của hàng hóa sản phẩm là giá trị trao đổi hay giá trị sử dụng? Lập luận của Adam Smith cho rằng giá trị trao đổi được đo bằng *lượng lao động* (Smith, 1776, p. 46), điều này hợp lý bởi hai nguyên nhân: 1) lượng lao động là thước đo chung và cuối cùng vì nó trực tiếp tạo nên hàng hóa và không thể phân rã tiếp, và 2) lượng lao động là mẫu số chung để hiện thực hóa sự trao đổi, tiếp theo khả thi hóa đặt ánh xạ giữa giá trị quy ước của tiền tệ và giá trị trao đổi của hàng hóa sản phẩm. Ghim cứng trong hệ thống tiền tệ thì *giá trị thực* của hàng hóa là giá trị trao đổi mặc dù Adam Smith cũng đề cập đến tính hữu ích của hàng hóa qua giá trị sử dụng và giá trị trao đổi vẫn là *giá trị danh nghĩa*. Nhưng giải thích thế nào trường hợp rất thường xảy ra khi một người sẵn sàng bỏ ra nhiều tiền để mua một món hàng hơn cả giá trị trao đổi của nó? Vấn đề là sự thỏa mãn, giá trị sử dụng của hàng hóa được thay bằng *giá trị thỏa mãn* (*lượng thỏa mãn*), khi đó giá trị trao đổi được ánh xạ về giá trị thỏa mãn, làm xuất hiện cùng lúc hai ánh xạ: 1) giá trị trao đổi → lượng lao động, và 2) giá trị trao đổi → lượng thỏa mãn. Sự tương tác giữa hai ánh xạ này điều chỉnh giá trị trao đổi và khiến giá trị quy ước hợp lý hơn trong cách giải thích, hơn nữa, giá trị sử dụng tuy không đồng nhất nhưng luôn tỉ lệ thuận với giá trị thỏa mãn. Ngoài ra, nên có đồng thời hai ánh xạ này vì lượng giá giá trị thỏa mãn không thể chính xác trên thực tế như lượng giá lượng lao động. Một ví dụ quen thuộc về nghịch lý nước và kim cương khi nước có giá trị sử dụng nhiều hơn kim cương nhưng kim cương có giá trị trao đổi lớn hơn nước, vì rằng bên cạnh lượng lao động khai thác, cắt gọt và mài dũa kim cương nhiều hơn lượng lao động gánh nước mang về còn có lượng thỏa mãn khi sở hữu kim cương nhiều hơn khi uống nước, nhưng mọi chuyện sẽ khác nếu như toàn thế giới là sa mạc mà khai thác giếng nước ngầm trở nên cực kỳ khó khăn hoặc giả một người sắp chết khát thì giá trị trao đổi của nước trở nên cực kỳ lớn bởi ánh xạ “giá trị trao đổi → lượng thỏa mãn” chi phối gần như hoàn toàn. Ghi chú: vui lòng phân biệt giá trị (value) và giá cả (price) vì giá trị quy ước của tiền tệ còn liên quan đến giá cả thị trường.

Cùng một lượng lao động tức cùng một giá trị trao đổi nhưng lượng lao động ở quốc gia này có giá trị quy ước khác với giá trị quy ước tại quốc gia khác, và chính sự chênh lệch giá trị quy ước này cũng mang đến lợi nhuận tức giá trị trao đổi mới, điều này cũng tương tự như chuyển dịch dòng vốn trong thị trường tài chính – chỉ cần có chuyển dịch là có giá trị trao đổi mới, tương tự *thế năng* do độ cao hoặc như theo một câu châm ngôn quen thuộc “mua rẻ bán đắt, vay mau trả chậm”, vì lý do đơn giản nhất của hiệu dụng bôi trơn. Adam Smith cho rằng sự giàu có của một người tùy thuộc vào lượng lao động mà người đó mua hay chiếm dụng (Smith, 1776, p. 46), vấn đề là mua lượng lao động thì phải trả bằng lượng lao động tương đương thông qua tiền tệ nên giải thích thế nào khi chỉ còn sự giàu có bằng chiếm dụng với chấp nhận rằng lượng giá lao động đã tính đến kỹ năng và công sức? Đó, hoặc không phải chiếm dụng mà tổng thể thị trường đã tạo ra nhiều của cải hơn nên mỗi người được hưởng nhiều hơn (đây cũng tương ứng ngữ nghĩa chiếm dụng tức sở hữu của Adam Smith), hoặc trường hợp thứ hai là tồn tại chiếm dụng và chiếm dụng từ chênh lệch trình độ sản xuất tương tự chênh lệch giá trị quy ước vừa đề cập. Vì vậy dòng chảy thương mại không phải luôn hợp lý mà sự bất hợp lý nào đó của dòng chảy thương mại lại hợp lý theo quy tắc riêng của nó, không khác bao nhiêu chọn lọc tự nhiên Darwin. Nhắc lại, cốt lõi sức mạnh kinh tế là trình độ sản xuất, sau này là trình độ công nghệ, bất kể hệ quy chiếu đa chiều có hoạt tác và có ánh xạ tâm thức điều chỉnh trở lại, vì rằng nguồn lực vũ trụ gần như vô hạn nên trình độ công nghệ còn diễn tiến không thể biết trước, một lần nữa sẽ khiến sự giàu có từ tổng thể thị trường tạo ra nhiều của cải trở nên chủ đạo nhưng rẽ nhánh vi mô của nó là sự chênh lệch không thể tránh khỏi, như một động lực thúc đẩy trình độ sản xuất. Ghi chú: bài nghiên cứu chưa đề cập việc chiếm dụng của cải bằng quyền lực cũng như của cải tạo nên quyền lực với góc độ kinh tế học thuần túy.

Giá trị trao đổi khi được mặc cả và thương lượng trên thị trường (Smith, 1776, p. 47) trở thành *giá cả* vì phức hợp lượng lao động bao gồm kỹ năng và công sức. Khi thị trường chấp nhận giá cả để trao đổi hàng hóa thì giá trị quy ước của tiền tệ mới hiệu quả như một cầu nối giữa giá trị trao đổi của hàng hóa và giá cả của hàng hóa, lúc đó mọi người trong thị trường mới có thể mua bán hàng hóa bằng (giá trị quy ước) tiền tệ theo giá cả niêm yết. Lưu ý, giá cả hàng hóa tính bằng đơn vị tiền tệ tức giá trị quy ước của tiền tệ nhưng giá trị trao đổi của hàng hóa tính bằng lượng lao động, nên giá trị quy ước của tiền tệ rất quan trọng, khiến các hệ thống tài chính giữa các quốc gia hình thành *tỉ giá hối đoái* (exchange rate) giữa những đồng tiền. Bất luận thế nào, giá cả hàng hóa luôn được thị trường điều chỉnh, tức luôn biến động khiến giá trị quy ước của tiền tệ hay rộng hơn – hệ thống tiền tệ cùng tỉ giá hối đoái cũng biến động theo, trong khi đó, giá trị trao đổi của hàng hóa ổn định hơn. Giá trị trao đổi của hàng hóa được tính bằng lượng lao động nhưng đến lượt lao động trở thành một loại hàng hóa mua bán trên thị trường như thuê nhân công thì giá trị trao đổi của hàng hóa “lao động” như thế nào? Như đã đề cập, lượng lao động không thể bị phân rã nên giá trị trao đổi của hàng hóa “lao động” là chính nó – lượng lao động bao gồm kỹ năng và công sức nhưng hàng hóa “lao động” vẫn có giá cả trên thị trường như bất cứ hàng hóa nào khác, nên sẽ xảy ra khác biệt về tiền thuê nhân công. Giá trị quy ước của tiền tệ được neo giữ bằng bản vị như vàng / ngoại tệ, trong khi đó, giá trị trao đổi được neo giữ bằng lượng lao động, và giá trị quy ước là cầu nối giữa giá cả và giá trị trao đổi. Giá trị trao đổi tương đối ổn định vì lượng lao động không thể bị phân rã nhưng trên thực tế, giá trị trao đổi vẫn biến động theo thời gian vì trình độ sản xuất tăng tiến theo thời gian, suy ra rằng bản vị cơ bản nhất của hệ thống tiền tệ là trình độ sản xuất mà chính cơ chế trao đổi thúc đẩy phân công lao động, thúc đẩy trình độ sản xuất, và đến lượt trình độ sản xuất thúc đẩy trở lại sự hoạt tác của cơ chế trao đổi. Khi giá trị quy ước của tiền tệ được thị trường điều chỉnh tương ứng sát sao với giá trị trao đổi của hàng hóa trên thị trường thì tiền tệ càng tiến gần giá trị thực của nó, đồng thời tiền tệ có thể trở thành một loại hàng hóa vừa là phương tiện trao đổi vừa là cái được trao đổi, nghĩa là tiền tệ lúc này cũng có giá cả trên thị trường như bất kỳ hàng hóa khác và giá trị quy ước của nó là giá trị trao đổi của nó. Nếu tiền tệ trở thành hàng hóa thì có lẽ không cần đến bản vị vàng/ngoại tệ vì bản thân nó tự lưu thông trên thị trường nhưng luôn tồn tại bản vị cơ bản nhất là trình độ sản xuất. Lưu ý, giá trị trao đổi của hàng hóa trong bài nghiên cứu này có thể bao gồm hay ánh xạ đến cả hai lượng lao động và lượng thỏa mãn.

Do sự biến động của giá cả trong thị trường nên Adam Smith phân chia giá cả hàng hóa thành *giá cả tự nhiên* (natural price) và *giá cả thị trường* (market price), theo đó giá cả thị trường biến động hơn, xoay xung quanh giá cả tự nhiên và có xu hướng tiến đến giá cả tự nhiên, và đến lượt giá cả tự nhiên có xu hướng tương hợp giá trị trao đổi. Nhắc lại nguyên nhân của sự biến động giá cả do cơ chế mặc cả và thương lượng trên thị trường. Giá cả tự nhiên còn được gọi giá cả thực và giá cả thị trường còn được gọi giá cả danh nghĩa. Giá cả thị trường của hàng hóa được niêm yết trong thị trường nhưng dao động tại những địa điểm và thời điểm khác nhau đến tận ngắn hạn. Hoạt động thương mại được thực hiện với giá cả thị trường tính bằng đơn vị tiền tệ – giá trị quy ước của tiền tệ. Giá cả tự nhiên không phải lúc nào cũng tương đương hay tương hợp giá trị trao đổi. Quy định rằng *lượng tiền* trong ngữ nghĩa giá trị quy ước của tiền tệ là đơn vị cơ bản để đề cập đến những khái niệm cao hơn của nền kinh tế như vốn và tư bản, thay vì xoay quanh lượng lao động quá trừu tượng. Nhắc lại, giá trị quy ước của tiền tệ là cầu nối giữa giá trị trao đổi của hàng hóa và giá cả của hàng hóa, trong trường hợp lý tưởng thì giá trị quy ước hợp nhất với giá trị trao đổi và giá cả gồm giá cả tự nhiên và giá cả thị trường, lúc này lượng tiền đồng nhất lượng lao động. Tiền tệ có giá trị quy ước vì nó quy ước lượng của giá trị trao đổi nội tại quốc gia nhưng ngoài ra, giá trị quy ước của đồng tiền một quốc gia thể hiện qua tỉ giá hối đoái, tức mức độ chênh lệch của bản vị trình độ sản xuất. Do đó trên tổng thể, từ bản vị trình độ sản xuất, giá trị quy ước của tiền tệ được quy định bởi thị trường ngoại hối toàn cầu, nên giá trị quy ước của tiền tệ còn được gọi là *giá trị của đồng tiền* (quốc gia) để lượng tiền luôn được đặt trong ngữ cảnh giá trị của đồng tiền. Một cách chính xác, theo Gemini 2025, giá trị của đồng tiền được xác định bởi sự cân bằng giữa cung và cầu trên thị trường ngoại hối toàn cầu và những yếu tố ảnh hưởng đến giá trị của đồng tiền bao gồm: lãi suất do ngân hàng quốc gia quy định, lạm phát, cán cân thương mại, sức khỏe nền kinh tế, và dự trữ ngoại hối. Nếu một ngoại tệ ổn định như đồng USD được làm bản vị thì giá trị của một đồng tiền là tỉ giá hối đoái giữa đồng USD và đồng tiền đó, tức độ lệch giữa đồng USD và đồng tiền đó, nhưng bất luận thế nào, bản vị trình độ sản xuất là bản vị cơ bản nhất. Giá cả qua một số ánh xạ từ đo bằng lượng lao động của giá trị trao đổi đến lượng tiền nên giá cả của hàng hóa sẽ được tính bằng lượng tiền hay *giá tiền* (money price) với lưu ý rằng lượng lao động và lượng thỏa mãn tuy ổn định nhưng giá tiền của lượng lao động và lượng thỏa mãn thay đổi liên tục. Như vậy ta dần hiểu rằng trong khi hoạt động tài chính bôi trơn hoạt động sản xuất thì hoạt động sản xuất cũng tạo thế năng chênh lệch để hoạt động tài chính thu được lợi nhuận tức tạo ra giá trị trao đổi mới từ sự chênh lệch này, do đó, định luật bảo toàn năng lượng trong vật lý không còn đúng trong kinh tế học vì nguồn lực vô hạn của vũ trụ bị giới hạn và liên tục được kéo dãn giới hạn bởi trình độ sản xuất của loài người, mặc dù tồn tại sự cay đắng của trò chơi có tổng bằng 0 chỉ diễn ra trong ngắn hạn.

Adam Smith định nghĩa giá cả tự nhiên là chi phí sản xuất một mặt hàng tính bằng giá tiền, bao gồm *tiền công* (tiền lương) cho người lao động, *tiền thuê đất* (địa tô) cho địa chủ/chủ đất và *lợi nhuận* (tiền lời) cho nhà tư bản/nhà đầu tư. Tiền thuê đất là chi phí cho bên thứ ba trong hoạt động sản xuất gồm hai đối tượng chính là *nhà tư bản* và *người lao động*. Giá cả tự nhiên được định nghĩa tổng quát bao gồm: 1) *tiền công* cho người lao động tức giá tiền thuê nhân công, 2) *vốn* của nhà tư bản bao gồm nguồn lực được sử dụng trong sản xuất ngoài tiền công và ngoài chi phí cho bên thứ ba, 3) *chi phí cho bên thứ ba* như như tiền thuê nhà đất và thuê dịch vụ, 4) *chi phí vận chuyển*, và 5) *lợi nhuận*. Giá cả tự nhiên cũng như các thành tố được tính bằng giá tiền. Ghi chú, theo Gemini 2025, *tư bản* (capital) và *vốn* là hai khái niệm tương tự nhưng có sự khác biệt tinh tế, trong đó, vốn có ngữ nghĩa rộng hơn, chỉ các nguồn lực được sử dụng trong quá trình sản xuất, trong khi đó, tư bản là một dạng cụ thể của vốn, bao gồm tiền bạc, máy móc, thiết bị và các tài sản được sử dụng để sản xuất hàng hóa và dịch vụ. Năm thành tố gồm tiền công, vốn, chi phí cho bên thứ ba, chi phí vận chuyển và lợi nhuận đều có thể được đặt ánh xạ đến lượng lao động và cuối cùng quy về giá tiền, nhưng yếu tố lợi nhuận là mấu chốt của hoạt động sản xuất tư bản vì đó là động lực thu lợi để nhà tư bản tổ chức hoạt động sản xuất, một cách trực tiếp là động lực của nguyên lý bàn tay vô hình vận hành cỗ máy kinh tế. Tuy nhiên không thể lý giải lợi nhuận là tiền công cho hoạt động điều hành của nhà tư bản vì nếu nhà tư bản đầu tư một lượng vốn & tiền công lớn thì lợi nhuận sẽ đạt nhiều hơn khi mà công sức giám sát và điều hành của họ không thể gia tăng vượt mức như lợi nhuận, hơn nữa, tiền công giám sát và điều hành vẫn có thể được nhập vào tiền công lao động một cách tổng quát, nên Adam Smith cũng đề cập vấn đề này rằng lợi nhuận tỉ lệ với số vốn đầu tư. Nếu thế, chẳng lẽ không có cách lý giải nào khác ngoài khẳng định lợi nhuận là giá trị thặng dư được bóc lột từ lao động của công nhân? Đúng vậy, lợi nhuận luôn ẩn chứa bóc lột sức lao động, tùy mức độ ít hay nhiều mà thôi. Tuy nhiên sự bóc lột luôn đi kèm với *thế năng của trình độ sản xuất* để tạo thành lợi nhuận tổng thể. Khi nhà tư bản đầu tư thêm vốn thì lượng vốn thặng dư là tài sản của họ, thừa hưởng hay thừa hưởng bằng cách huy động bên ngoài và lượng vốn này tương ứng với lượng lao động được neo giữ bằng một trình độ sản xuất cao hơn rất nhiều trình độ sản xuất của công nhân, tạo nên một thế năng chênh lệch đổ xuống thành lợi nhuận, mà sự bóc lột công nhân dù rất nhỏ cũng đủ để dịch chuyển thao tác trút nguồn lợi nhuận này, tương tự ngòi nổ để kích nổ quả mìn. Thế năng này cũng không phải một chiều mà có hai chiều, ở chiều ngược lại, lượng lao động tức giá trị trao đổi trong công nhân bùng nổ thành giá cả tự nhiên tức giá tiền bất kể tồn tại sự bóc lột. Nhà tư bản còn có những vốn (thế năng) khác tuy vô hình nhưng cực kỳ có giá trị như nắm bắt nhu cầu, đi đầu chuỗi cung ứng. Ghi chú & lưu ý: tỉ suất lợi nhuận không tuyến tính với vốn mà thường đi theo hàm số phi tuyến, ví dụ, 10 đồng vốn cho 2 đồng lời tối đa nên 20 đồng vốn cho 4 đồng lời (tuyến tính) nhưng 30 đồng vốn có thể cho nhiều hơn 6 đồng lời (phi tuyến) vì bóc lột và/hoặc kỹ năng sản xuất *tăng tích lũy một cách phi tuyến* theo quy mô. Lõi của giá cả tự nhiên được gọi *giá thành* chỉ gồm bốn thành tố (tiền công, vốn (nhà xưởng, công cụ, nguyên vật liệu), chi phí cho bên thứ ba, chi phí vận chuyển) và lợi nhuận phình to là do thế năng của trình độ sản xuất. Giá cả tự nhiên của hàng hóa “bôi trơn” từ hoạt động tài chính thuần túy nếu giả sử được tạm xem là hàng hóa thì chỉ có lợi nhuận với lõi giá thành zero. Hoạt động thương mại thuần túy nhập nhòe giữa hoạt động sản xuất và hoạt động tài chính do đóng góp vào giá thành hàng hóa qua chi phí vận chuyển. Tóm lại, thế năng của trình độ sản xuất không những tạo lợi nhuận cho hoạt động tài chính mà cũng góp phần tạo lợi nhuận cho hoạt động sản xuất và trình độ sản xuất trong hoạt động sản xuất được thể hiện ở ba phương diện: 1) kỹ năng của thao tác sản xuất, 2) thế năng tiềm tàng của huy động vốn, và 3) thế năng ngược làm bùng nổ giá trị trao đổi của nhân công thành giá tiền. Giá cả thị trường dao động quanh giá cả tự nhiên, được niêm yết trên thị trường cho hoạt động mua bán thực sự diễn ra, được xác định bởi *quy luật cung cầu* “cung ít cầu nhiều thì giá cả thị trường tăng và ngược lại”, do đó giá cả thị trường bị chi phối bởi lượng thỏa mãn và nếu như ta chú ý ánh xạ “giá trị trao đổi → lượng thỏa mãn” thì giá cả thị trường quan trọng hơn ta nghĩ, không còn phụ thuộc hẳn vào giá cả tự nhiên mà đúng hơn, giá cả thị trường là một hợp lý tính, một điều chỉnh của giá cả tự nhiên. Nhắc lại, nguồn gốc của phú cường là tăng năng lực sản xuất, nguồn gốc của tăng năng lực sản suất là phân công lao động và cuối cùng, trao đổi là nguồn gốc của phân công lao động; như vậy sự tương đương giữa trao đổi và phân công lao động là bản thiết của cỗ máy kinh tế được thi công và vận hành bởi thị trường, tạo ra nhiều của cải hơn với mục tiêu tối hậu là nâng cao trình độ sản xuất mà thế năng từ sự chênh lệch trình độ sản xuất rất quan trọng. Bất luận thế nào, mọi sản phẩm, hàng hóa, sự hiệu dụng đều quy về lượng lao động và/hoặc lượng thỏa mãn và trình độ sản xuất bó hẹp trong ngữ cảnh sản xuất, không rộng lớn như trình độ văn minh, nếu không sẽ khiến lập luận trở nên lan man. Ghi chú: thế năng vốn, độc quyền thương mại, bí quyết công nghệ, sở hữu trí tuệ,… thuộc trình độ sản xuất. Quy luật cung cầu là nguyên nhân của *quy luật cạnh tranh*.

Adam Smith tập trung vào ba thành tố cơ bản của giá cả tự nhiên: tiền công cho người lao động, tiền thuê đất cho chủ đất và lợi nhuận cho nhà đầu tư. Thu nhập từ công lao động được gọi là *tiền công* (tiền lương), thu nhập từ vốn được gọi là *lợi nhuận* (tiền lời) của người trực tiếp sử dụng vốn, thu nhập từ vốn được cho vay được gọi là *tiền lãi* của người cho vay không trực tiếp sử dụng vốn (Smith, 1776, p. 61). Tiền lãi là thu nhập phái sinh được trích xuất từ lợi nhuận của người vay trả cho người cho vay. Mỗi xã hội – quốc gia có tỉ suất khác nhau giữa lợi nhuận với tiền công, giữa lợi nhuận với tiền thuê đất (Smith, 1776, p. 63), cũng như giữa giá cả tự nhiên với tiền công, tiền thuê đất & lợi nhuận, nên sự điều chỉnh của giá cả thị trường theo các tỉ suất này được quy định bởi quy luật cung cầu & quy luật cạnh tranh trên thị trường thực chất còn là ánh xạ từ giá trị trao đổi đến lượng thỏa mãn. Chính vì góp mặt của lượng thỏa mãn làm xuất hiện thô lậu từ lòng tham như găm hàng, ghim giá, đầu cơ quá mức, độc quyền chi phối, bóc lột tàn tệ nên tự do kinh tế vốn bị chằng chịt trong mạng nhện cần sự can thiệp nhất định của *bàn tay hữu hình* tức sự can thiệp nhất định của nhà nước để gạn thô lậu, khai thông tự do kinh tế mà sự tự do trong tâm tưởng của công dân trở nên ổn định trong mạng nhện kinh tế xã hội. Tự do kinh tế có can thiệp nhà nước sẽ được bàn luận sau. Trước tiên ta hãy phân tích tiền công trong giá cả tự nhiên cũng như nhân lực trong nền kinh tế, một yếu tố sống còn. Nhu cầu thuê mướn lao động tăng lên cùng lúc gia tăng của cải quốc gia, làm tăng tiền lương – giá tiền công lao động tức giá cả thị trường của lao động tính bằng giá tiền (Smith, 1776, p. 73), do đó tiền lương phản ánh tổng lượng của cải được sản xuất bởi một quốc gia nhưng chưa hẳn phản ánh sự giàu có của một quốc giá vì sự giàu có phụ thuộc vào nhiều yếu tố và không đồng nhất với tổng số của cải nhưng sự giàu có luôn phải bắt nguồn từ việc tạo ra nhiều của cải. Nhắc lại, *thế năng trình độ sản xuất* (TNTĐSX) tức nguồn gốc lợi nhuận, tức động lực của bàn tay vô hình, có được từ chênh lệch trình độ sản xuất là *hàm phi tuyến của vốn* (tư bản) của nhà tư bản có sự kích hoạt của bóc lột lao động nên TNTĐSX cũng là *hàm phi tuyến của bóc lột* lao động. Hàm phi tuyến, nếu theo công thức tính lãi là hàm mũ, tăng trưởng theo thời gian, theo độ dài sản xuất, theo cường độ sản xuất nên về lý thuyết thể hiện sự *sinh sôi nảy nở*, không thể dừng lại, vì nếu dừng lại thì nền kinh tế sẽ “già” và “chết” và nhiều nền kinh tế đã từng già, chết và tái sinh; đó là bản chất tự nhiên như ta đã từng biện luận rằng thị trường hay nền kinh tế rộng hơn có một bản chất tự nhiên với nguyên lý bàn tay vô hình. Một hiệu ứng lề chưa thể giải quyết khi trình độ công nghệ chưa đuổi kịp nguồn lực vũ trụ vô hạn thì phát sinh bóc lột môi trường trái đất, đó là vấn nạn – mặt trái của phát triển kinh tế khi sự sinh sôi nảy nở chưa hoàn toàn đúng với tự nhiên trở nên một sự bù trù vì nếu như “lạm dụng” thật sự nguồn lực vũ trụ mà vũ trụ vô hạn thì không phải lạm dụng vì ý nghĩa của sự “mất đi” không còn với lý lẽ đơn giản của sự vô tận – nguồn lực vũ trụ vô hạn thì không thể bị tổn thất hoặc giả ta không thể biết sự tổn thất nhưng sự sinh sôi nảy nở kinh tế lại diễn ra hiển nhiên theo cách ta nhìn nên nó thật sự hiển nhiên đối với ta. Giả sử tỉ suất lợi nhuận hoạt động sản suất là *r* = 10% và giả sử thế năng trình độ sản xuất (TNTĐSX) tuân theo hàm mũ phi tuyến, với số vốn ban đầu *x*0 sẽ tăng tích lũy một cách phi tuyến thành *x* sau một khoảng thời gian *n* như sau:

Vốn ban đầu *x*0, vốn gia tăng *x*, và tỉ suất lợi nhuận giả sử được tính bằng giá trị trao đổi thay vì giá cả tự nhiên (giá tiền) để tương ứng với lượng lao động và lượng thỏa mãn. Giả sử lượng bóc lột ban đầu là *d*0 thì vốn gia tăng được *tích lũy* như sau:

Vui lòng lưu ý rằng trình độ sản xuất của nhà tư bản đã nhập vào vốn *y* nên có thể nói *vốn tức tư bản không khác trình độ sản xuất và trình độ sản xuất không khác vốn vì sự tồn tại của hàm phi tuyến “thế năng trình độ sản xuất” (TNTĐSX)*. Nhìn chung TNTĐSX có xu hướng ngày càng gia tăng vốn tức ngày càng gia tăng lượng của cải, buộc nhà tư bản phải đầu tư mua thêm phương tiện sản xuất và đặc biệt, phải thuê thêm nhân công khiến tăng cung thị trường lao động nên làm tăng tiền công. Tiền công gia tăng cũng kích thích người lao động sản xuất hiệu quả hơn, càng khiến gia tăng lượng của cải. Nói cách khác, gia tăng nhân công phải tương ứng gia tăng tiền công mà mức bóc lột càng ít thì tiền công càng hợp lý trên thị trường lao động, nhưng đến lúc nào đó số lượng nhân công cố định với trình độ sản xuất của công nhân đã tới hạn không thể đáp ứng lượng của cải sự sinh sôi nảy nở vốn không thể dừng như cỗ xe tam mã, lúc đó nhân công phải được gia tăng bằng sinh sản tự nhiên. Điều này hiển nhiên và hơn nữa hợp lý vì công nhân có đủ điều kiện sống với tiền công hợp lý sẽ kết hôn, lập gia đình, sinh con đẻ cái để gia tăng lượng nhân công theo sinh sản tự nhiên; lúc này bản chất tự nhiên về sinh sôi nảy nở của nền kinh tế tương hợp bản chất tự nhiên về sinh sản giới tính của loài người. Rốt cuộc, dân số trong độ tuổi lao động cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, trong đó hoạt động *phúc lợi* chăm lo đời sống người dân biến sự hao tổn cần thiết để bồi đắp trở lại sức lao động. Do đó dân số già là một gánh nặng kinh khủng đối với sự phát triển kinh tế mà hoạt động phúc lợi không thể dừng như cỗ xe vì một bản chất tự nhiên của tính nhân đạo lại tiêu tan trong hư vô, không thể phục hồi trở lại bằng sức lao động, cộng hưởng với thiếu nhân công sản xuất khiến vấn đề suy yếu kinh tế trầm trọng hơn; đây là sự lão hóa nền kinh tế. Cỗ xe kinh tế tăng tốc phi mã bằng sinh sôi nảy nở qua TNTĐSX thì cũng sẽ giảm tốc phi mã bởi lão hóa dân số nếu không có biện pháp làm chậm lão hóa hoặc “tái sinh”. Ngoài ra, cỗ xe tam mã này (đầu tư nước ngoài, xuất khẩu, tiêu dùng) có thể tăng tốc hay giảm tốc vì một yếu tố ngẫu nhiên nào đó, nếu được phân tích tổng quát hơn thì trình độ sản xuất giữa các quốc gia qua nhiều thời đại còn có thể bị chi phối bởi ngẫu nhiên hình thành những trung tâm quyền lực nhấp nhô nhiều nơi như nhiều đợt sóng mà chỉ có thể mường tượng bằng hiệu ứng cánh bướm mà thậm chí hiệu ứng cánh bướm cũng gặp phải những phản biện. Bất luận thế nào hàm phi tuyến TNTĐSX là quy luật của lợi nhuận – tạm thời ta chấp nhận như vậy.

Bây giờ ta trở lại vấn đề bóc lột lao động – một vấn đề không hề đơn giản. Như đã biết bóc lột là một biến của hàm phi tuyến thế năng trình độ sản xuất (TNTĐSX) nhưng trong một trường hợp thì sự bóc lột này gần như hư vô theo cách mà lợi nhuận không chảy vào túi nhà tư bản. Trường hợp này xảy ra khi một nguồn lực xã hội tất nhiên cụ thể hóa bằng vốn được phân bổ cho các tổ chức, đặc biệt là các tổ chức nghiên cứu, tạo ra hàng hóa sản phẩm như phát minh sáng chế, làm sinh sôi nảy nở lợi nhuận như sở hữu trí tuệ nhưng được áp dụng rộng rãi. Vấn đề là cơ năng phân bổ nguồn lực không thuộc nhà tư bản mà nó do nhà nước chủ trì hoặc do sự tụ họp bất định nào đó của xã hội. Sự bóc lột vẫn tồn tại do lợi nhuận sản sinh nhưng lợi nhuận tản mát nên khiến nó không còn ý nghĩa tiêu cực bóc lột mặc dù chênh lệch TNTĐSX vẫn xảy ra. Lưu ý, nếu xem hoạt động thuần túy của chính phủ như hoạt động công ty thì hàng hóa sản phẩm là dịch vụ nhưng đồng thời hoạt động “công ty” chính phủ cũng có tác dụng bôi trơn thuần túy như hoạt động tài chính, duy lợi nhuận thuần túy từ “công ty” chính phủ là phúc lợi. Nếu lượng thỏa mãn là thước đo cuối cùng của giá trị trao đổi thì phúc lợi hẳn nhiên thể hiện giàu có – một sự giàu có viên mãn, thậm chí trong trường hợp ánh xạ “giá trị trao đổi → lượng lao động” chi phối thì phúc lợi cũng hết sức quan trọng với vai trò hồi phục sức lao động công nhân – hồi phục sức lao động xã hội. Ngay trong trường hợp phổ biến, sự bóc lột của nhà tư bản không tệ hại như ta nghĩ mà đó là tất yếu, là động lực phát triển như lạm phát nếu không diễn biến thô lậu. Ngay trong cách nhìn tiêu cực, sự bóc lột thô lậu của nhà tư bản cũng tất yếu vì đơn giản đó là khởi đầu của chọn lọc tự nhiên hoặc như được suy ra từ phát biểu của Adam Smith “kinh nghiệm cho thấy luật pháp không bao giờ có thể điều chỉnh đúng được tiền lương mặc dù luật pháp muốn thế” (Smith, 1776, p. 78), tất cả đều do lòng tham cùng sự phối hợp giữa lượng lao động và lượng thỏa mãn tạo nên quy luật cung cầu. Lưu ý, lòng tham là động lực quan trọng phát triển kinh tế tương ứng thuộc tính sinh sôi nảy nở của nền kinh tế. Nếu cỗ xe kinh tế không thể dừng với thuộc tính sinh sôi nảy nở (SSNN) thì giải thích như thế nào hiện tượng tiêu cực dư thừa công suất làm trì trệ nền kinh tế mà tại sao thuộc tính SSNN lại dẫn đến dư thừa công suất nếu nó là thuộc tính tích cực? Tất nhiên ta có thể giải thích bằng hiệu ứng lề của bất kỳ quy trình quá mức nào nhưng dư thừa công suất chủ yếu do chưa chuyển hóa kịp và mở rộng nhu cầu xã hội. Thuộc tính SSNN cũng làm gia tăng mức sống, mở rộng nhu cầu xã hội mà lòng tham và lượng thỏa mãn của loài người gần như vô hạn theo thỏa mãn tinh thần, do đó một khi nhu cầu xã hội chưa kịp mở rộng sang địa hạt tinh thần để sản phẩm tinh thần đuổi theo từ sự thăng hoa của sản phẩm vật chất thì lượng sản phẩm vật chất còn lại trở thành dư thừa – dư thừa công suất.

Vấn đề còn lại liên quan đến tiền công là mức sống – mức sống xã hội, theo Adam Smith, mức sống tức sự khác biệt về cách sinh hoạt là hệ quả chứ không phải nguyên nhân của tiền công, do đó có thể tạm hiểu mức sống là tổng chi tiêu trung bình cho nhu yếu phẩm của người lao động, hẳn nhiên tỉ lệ thuận với tiền công, phản ánh thu nhập bình quân đầu người nhưng không hẳn là thu nhập bình quân đầu người. Khi một xã hội giàu có với trình độ sản xuất cao, tuy có thể không có nhiều tỉ phú, hoặc có những bộ phận dân chúng không hăng say sản xuất (nên không có thu nhập cao) nhưng mọi người vẫn có mức sống cao vì mức sống còn gồm thâu phúc lợi và dịch vụ nên trình độ sản xuất không tuân theo nghiêm ngặt *nỗ lực sản xuất* và nỗ lực sản xuất là sự tập trung cao độ vào quá trình sản xuất nhưng nỗ lực sản xuất tương ứng nhưng không đồng nhất năng lực sản xuất. Vấn đề mức sống giằng lại tự do kinh tế vì tự do kinh tế hàm ý chọn lọc tự nhiên – cỗ xe tam mã thế năng trình độ sản xuất (TNTĐSX) không thể dừng hoạt động sinh sôi nảy nở cũng như vai trò của lượng thỏa mãn. Không hăng say sản xuất đối nghịch ánh xạ “giá trị trao đổi → lượng lao động” nhưng có thể phù hợp ánh xạ “giá trị trao đổi → lượng thỏa mãn” – sinh thể có bản năng lười biếng để chống lão hóa tức chống ôxy hóa nhưng nỗ lực sản xuất khiến tiến trình lão hóa nền kinh tế diễn ra nhanh hơn. Ngoài ra, nguyên lý tự do, nguyên lý cạnh tranh [quy luật cung cầu] và nguyên lý chọn lọc tự nhiên phối hợp với nhau trong nguyên lý bàn tay vô hình làm nên bản chất tự nhiên của kinh tế tư nhân (mọi người đều có động lực mưu cầu lợi ích cá nhân) để đối trọng với xã hội (quần thể) cũng mưu cầu lợi ích xã hội vì tất cả đều là sinh thể. Adam Smith còn tóm lược nguyên lý bàn tay vô hình bằng nhận xét hết sức đơn giản “người thợ độc lập [làm việc hăng say] hơn hẳn người thợ thuê mướn” (Smith, 1776, p. 82) – bản chất tự nhiên của kinh tế tư nhân. Nhắc lại, mức sống tức trung bình giá cả của nhu yếu phẩm tương ứng với tiền công nên tiền công trong giá cả thị trường được điều chỉnh bởi hai yếu tố (Smith, 1776, p. 83): 1) nhu cầu lao động trên thị trường lao động theo quy luật cung cầu, và 2) giá cả thị trường của nhu yếu phẩm bao gồm lương thực và các mặt hàng thiết yếu & tiện nghi; suy ra rằng tiền công tăng làm tăng giá các mặt hàng nên làm giảm nhu cầu tiêu thụ tức giảm lượng của cải sản xuất, nhưng đồng thời, như ta biết, tiền công tăng cực kỳ quan trọng để tăng năng suất làm gia tăng lượng của cải. Do đó tiền công trên căn bản nếu gia tăng sẽ làm quốc gia xã hội giàu có nhưng đồng thời cũng điều phối trở lại lượng cung ứng của cải, thế nên gia tăng tiền công có tính tích cực nổi trội và thu nhập bình quân đầu người là chỉ dấu quan trọng nhất cho sự phát triển và giàu có của quốc gia. Theo phân tích của Adam Smith (Smith, 1776, p. 84), giá cả lương thực ổn định hơn tiền công, suy ra rằng an ninh lương thực có vai trò quan trọng và không quá khó để đạt được an ninh lương thực nếu chú tâm.

Nhắc lại, Adam Smith tập trung vào ba thành tố cơ bản của giá cả tự nhiên: tiền công cho người lao động, tiền thuê đất cho chủ đất và lợi nhuận cho nhà đầu tư. Lợi nhuận thực chất có được từ chênh lệch trình độ sản xuất tức thế năng trình độ sản xuất (TNTĐSX) theo hàm phi tuyến tích lũy của vốn và bóc lột. Vì vậy, tích lũy vốn tức tích lũy tư bản diễn ra với tốc độ phi mã do tăng phi tuyến lợi nhuận. Bây giờ ta sẽ nghiên cứu kỹ hơn về lợi nhuận. Lợi nhuận trên căn bản tăng theo lượng vốn nhưng Adam Smith còn phân tích rằng lợi nhuận còn bị chi phối bởi nhiều yếu tố như giá cả hàng hóa trên thị trường, những rủi ro trong vận tải hàng hóa & cạnh tranh, thậm chi khi vốn tăng hẳn nhiên làm tăng lợi nhuận nhưng vốn tăng sẽ dẫn đến tiền công tăng gián tiếp làm giảm lợi nhuận cho nhà tư bản đồng thời vốn tăng cũng khiến các nhà tư bản cạnh tranh nhau gián tiếp làm giảm lợi nhuận. Do đó nguyên lý bàn tay vô hình gây ra và phụ thuộc vào nhiều yếu tố với những tương tác đa chiều mà các lý thuyết kinh tế chỉ có thể tập trung giới hạn vào một số yếu tố để lý giải quan điểm riêng, phụ thuộc vào cách nhìn và phục vụ cho những mục đích cụ thể trong những giai đoạn cụ thể mà ta sẽ biết tiến trình phát triển xã hội tổng quát gồm luôn kinh tế phát triển theo xu hướng tương hỗ phân kỳ & hội tụ mà trong đó xảy ra trường hợp rằng một luận điểm nào đó vốn đã lỗi thời nay lại “tái sinh” theo ngữ nghĩa nào đó trở nên phù hợp và cấp thiết, điều này không khác bao nhiêu mô hình biện chứng của Hegel. Chính vì khó xác định cụ thể lợi nhuận trong tương tác đa chiều nên Adam Smith mới đề cập đến kỹ thuật nắm bắt gián tiếp lợi nhuận theo phương thức “đuổi hình bắt bóng” tức xác định tỉ suất lợi nhuận qua lãi suất (tín dụng, cho vay) của ngân hàng trung ương (Smith, 1776, p. 85), với lưu ý, *tỉ suất lợi nhuận* (ROI – return on investment) là tỉ lệ (tỉ số) giữa lợi nhuận trên vốn và *lãi suất* (interest rate) là tỉ lệ giữa tiền lãi trên vốn cho vay. Nói cách khác, tồn tại một ánh xạ từ tỉ suất lợi nhuận đến lãi suất vì tiền lãi là phần lợi nhuận được trích từ tổng lợi nhuận của người vay trả cho người cho vay, và khi lãi suất được cố định bởi “người cho vay” ngân hàng trung ương thì khả năng cảm nhận được tổng lợi nhuận của nền kinh tế sẽ rõ ràng hơn vì lãi suất sẽ như chặn dưới của tỉ suất lợi nhuận trung bình, ví dụ, khi tỉ suất lợi nhuận trung bình & tốt của hoạt động sản xuất là 10% thì lãi suất tín dụng của ngân hàng thường là 5%. Khi trình độ sản xuất tức nền sản xuất của một quốc gia tăng trưởng mạnh sẽ xảy ra hai trường hợp gần như đồng thời: 1) chuyển dịch sản xuất sang quốc gia khác để giảm tiền công tăng lợi nhuận, và 2) vốn tức tư bản sẽ cho các quốc gia khác vay. Hoạt động tín dụng (cho vay) xuyên quốc gia mới đúng là hoạt động tài chính thuần túy mà giá cả tự nhiên chỉ có lợi nhuận thể hiện đặc sắc của thế năng trình độ sản xuất mặc dù hoạt động chuyển dịch sản xuất tức di chuyển nhà máy sản xuất sang quốc gia khác cũng phán ánh thế năng trình độ sản xuất. Theo Adam Smith, lợi nhuận giảm có thể là hiệu ứng tự nhiên của sự phồn vinh (Smith, 1776, p. 87), hoặc giả bằng chứng của một lượng tiền vốn lớn được đổ vào thị trường khi các nhà tư bản cạnh tranh nhau nội tại làm giảm lợi nhuận (Smith, 1776, p. 87), điều này càng khẳng định tính tất yếu của hoạt động chuyển dịch sản xuất khi trình độ sản xuất nội tại đã bùng nổ, ngược lại nếu chỉ tích lũy tài chính (kim loại quý) thông qua thương mại thì đến tận bây giờ (2025) luận điểm này vẫn chưa được điều chỉnh hoặc phát triển trở lại, ít nhất theo cách hiểu và sự tìm hiểu của tôi.

Sau khi tìm hiểu lãi suất ta quay trở lại lợi nhuận – một thành tố quan trọng của giá cả tự nhiên với lưu ý rằng *tổng số lợi nhuận* và *tỉ suất lợi nhuận* đều là thông số quan trọng của lợi nhuận. Muốn vượt qua bẫy thu nhập trung bình ta phải cố gắng gia tăng *thu nhập bình quân đầu người* tức tổng sản phẩm bình quân đầu người (PCI – per capita income, GDP per capita), không có cách nào khác ngoài nâng cao vượt mức trình độ sản xuất nên chủ yếu tập trung vào tổng số lợi nhuận nhưng tỉ suất lợi nhuận cũng có vai trò quan trọng để điều phối và đa dạng hóa nền kinh tế vì rằng thu nhập bình quân đầu người (PCI) được tính bằng tổng sản phẩm quốc nội tức *tổng thu nhập quốc nội* (GDP – tổng giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong một quốc gia) chia cho tổng số dân. Nếu ánh xạ “giá trị trao đổi → lượng trao đổi” nổi trội thì GDP chi phối, ngược lại, nếu ánh xạ “giá trị trao đổi → lượng thỏa mãn” nổi trội thì PCI chi phối, tuy nhiên sức mạnh cứng của quốc gia vẫn là GDP. Với nhận xét của Adam Smith rằng “tiền công thấp ở nông thôn tăng tỉ suất lợi nhuận” (Smith, 1776, p. 86), ta hãy càng chú ý vào giá trị của phân công lao động giữa thành thị và nông thôn, nêu bật vai trò của nông nghiệp bên cạnh chức năng nông nghiệp giảm nghèo đói thu hẹp khoảng cách thành thị và nông thôn. Trong một nền kinh tế tối ưu riêng về hoạt động sản xuất, người dân làm việc gần/tại nơi cư trú và hoạt động sản xuất kinh doanh đặc biệt với những doanh nghiệp nhỏ & vừa cũng không cần dời đi xa trừ phi đó là doanh nghiệp lớn phải thực hiện chuyển dịch địa lý để tăng lợi nhuận, trên cơ sở đó mạng lưới bán lẻ và logistic mới phát triển, sau này mới có kinh doanh trực tuyến & internet với thương mại điện tử. Mức sống nông thôn thấp hơn thành thị nên tỉ suất lợi nhuận cao ở nông thôn có ý nghĩa quan trọng, hơn nữa, cần nhiều vốn để kinh doanh ở thành thị, một phần vì tiền công cao (Smith, 1776, p. 86), một phần vì tính chất lao động thành thị phức tạp nên vai trò kinh tế nông thôn quan trọng hơn ta nghĩ mặc dù lợi nhuận trên số lượng của kinh doanh ở thành thị tất nhiên phải cao hơn ở nông thôn. Tất nhiên hệ thống kinh tế tư nhân đa dạng và phân tán tiềm tàng gây tổn hại nghiêm trọng môi trường tự nhiên nên cần phải có chế tài.

**Thay lời kết**

**Tham khảo**

Smith, A. (1776). *Một Công Trình Nghiên Cứu Bản Chất Và Nguyên Nhân Phát Sinh Của Cải Của Các Dân Tộc (An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations).* (H. T. Đỗ, T. P. Trần, Eds., & H. T. Đỗ, Trans.) Hanoi, Vietnam (1997): Vietnam Education Publishing House. Retrieved from https://www.scribd.com/document/633319064/Cua-Cai-Cua-Cac-Dan-Toc-Adam-Smith